

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2020/DS-ST

Ngày: 03/8/2020

V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự, vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Phương;
2. Ông Huỳnh Thanh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 và ngày 03 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2020/TLST - DS ngày 13/01/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2020/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 147/2020/QĐST-DS ngày 24/6/2020 và Thông báo số 505/TB-TA ngày 13/7/2020 về việc thay đổi thời gian xét xử, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP BDLV (viết tắt Ngân hàng); Địa chỉ trụ sở: Số 109, đường Trần Hưng Đạo, phường CN, quận HK, thành phố HN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S – Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Đức M - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP BDLV – Chi nhánh AG;

Ông M ủy quyền lại cho ông Huỳnh Nguyễn Hải A - Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch TC, Ngân hàng TMCP BDLV – Chi nhánh AG (Giấy ủy quyền số 13912/2019/UQ-LienVietPostBank.AG ngày 27/12/2019);

2. Bị đơn: Ông Trần Văn M, sinh năm 1972; Địa chỉ: Tổ 02, khóm LT D, phường LT, thị xã TC, tỉnh AG.

Anh A có mặt tại phiên tòa; Ông M vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi nhận lời khai và ý kiến đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa trình bày: Ngân hàng TMCP BDLV có cho ông Trần Văn M vay số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 03/300616/04/910 ngày 30/6/2016, lãi suất trong hạn 11,5%/năm (0,958%/tháng), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (17,25%/năm; 1,4375%/tháng), thời hạn vay 60 tháng (05 năm), mục đích vay tiêu dùng cá nhân, ông M trả nợ gốc và lãi hàng tháng theo lịch trả nợ Ngân hàng cung cấp cho ông M (trả nợ gốc và lãi vào ngày 20 tây hàng tháng, bắt đầu vào ngày 20/7/2016). Tài sản đảm bảo nợ vay: Vay tiêu dùng không có tài sản bảo đảm, trích lương trả nợ vay. Hình thức thanh toán trả lãi và nợ gốc hàng tháng.

Sau khi vay, ông M đã trả cho Ngân hàng được 21 (hai mươi một) kỳ, từ 20/7/2016 đến 29/3/2018 thì ngưng cho đến nay. Tính đến ngày 10/3/2020, ông M đã trả cho Ngân hàng số tiền 77.563.969 đồng, trong đó nợ gốc là 52.500.000 đồng, nợ lãi 25.063.969 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ làm việc và đôn đốc ông M để trả nợ nhưng ông M đã bỏ địa phương đi và Ngân hàng không liên hệ được.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông M có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 31/7/2020 là 129.451.571 đồng (trong đó vốn gốc 97.500.000 đồng, lãi trong hạn 17.597.972 đồng, lãi quá hạn 14.353.599 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ từ ngày 01/8/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay.

Kèm theo đơn khởi kiện, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp các tài liệu và chứng cứ đã nêu tại biên bản phiên họp về kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 19/02/2020 (BL 34-35), ngày 12/5/2020 (BL 76-77) và Bảng kê tính lãi theo hợp đồng và Sao kê lãi dự thu ngày 31/7/2020 (tại phiên tòa).

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng cư trú của ông Trần Văn M tại Ban khóm LT D, phường LT, thị xã TC, tỉnh AG; Xác minh tình trạng cư trú của ông Trần Văn M tại Công an phường LT, thị xã TC, tỉnh AG; Xác minh về việc hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với ông Trần Văn M tại Điện Lực TC, tỉnh AG. Cụ thể như sau:

- Ban khóm LT D, phường LT, thị xã TC, tỉnh AG cho biết: Ông Trần Văn M, sinh năm 1972 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khóm LT D, phường LT, thị xã TC, tỉnh AG. Trước đây, ông M là nhân viên thu tiền điện của Công ty Điện lực TC. Hiện nay, ông M đã bỏ địa phương đi, ông M đi đâu, làm gì Ban khóm không biết.

- Công an phường LT, thị xã TC, tỉnh AG cho biết: Ông Trần Văn M, sinh năm 1972 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khóm LT D, phường LT, thị xã TC,

tỉnh AG. Ông M bỏ địa phương đi từ năm 2017 cho đến nay. Khi còn ở địa phương, ông M là nhân viên thu tiền điện của Công ty Điện lực TC.

- Ông Hồ Thiện T – Phó giám đốc Điện lực TC, tỉnh AG cho biết: Trước đây, ông Trần Văn M, sinh năm 1972 công tác tại Điện lực TC, vị trí công tác: Nhân viên Quản lý hóa đơn. Quá trình công tác, ông M vi phạm kỷ luật, mức độ phạm lỗi: Nghỉ việc trên 05 ngày trong một tháng đến nay không báo cáo tại đơn vị. Ngày 09/01/2018, Tổng công ty Điện lực Miền Nam ra quyết định xử lý kỷ luật lao động với hình thức kỷ luật: Sa thải. Ông Trần Văn M bị Tổng công ty Điện lực Miền Nam cho nghỉ việc từ ngày 09/01/2018 cho đến nay.

Thời gian công tác tại Điện lực TC, lãnh đạo công ty xem xét thống nhất tạo điều kiện để ông M vay Ngân hàng TMCP BDLV – Chi nhánh AG số tiền 150.000.000 đồng. Sau khi ký xác nhận cho ông M thì ông M và Ngân hàng tự làm thủ tục vay, nhận tiền vay và ông M đã nhận đủ tiền vay. Hình thức thanh toán hàng tháng giữa ông M với Ngân hàng như thế nào thì Công ty không biết, hiện ông M đã trả cho Ngân hàng bao nhiêu thì Công ty không biết. Vào khoảng cuối năm 2017, phía Ngân hàng có gọi điện hỏi về việc ông M còn công tác tại đơn vị không nhưng thời gian này thì ông M đã nhiều ngày không đến đơn vị.

Ngoài ra, ông T cung cấp cho Tòa án Quyết định về việc xử lý kỷ luật lao động số 58/QĐ-EVN SPC ngày 09/01/2018 của Tổng công ty Điện lực Miền Nam đối với ông Trần Văn M.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết các loại văn bản đúng quy định nhưng ông M không đến Tòa án làm việc nên không lấy được lời khai và cũng không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành niêm yết đúng quy định Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông M vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đã trình bày tại giai đoạn chuẩn bị xét xử.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử đúng pháp luật. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do, Hội đồng xét xử, xử vắng mặt bị đơn phù hợp tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện cũng như lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và hợp đồng tín dụng cũng như đối chiếu tài

liệu, chứng cứ Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án. Thấy rằng, bị đơn có ký 01 hợp đồng tín dụng để vay số tiền vốn gốc của Ngân hàng TMCP BDLV với tổng số tiền là 150.000.000 đồng. Quá trình vay, ông M có thực hiện việc trả vốn 52.500.000 đồng, tiền lãi hàng tháng được tổng cộng 25.063.969 đồng, nhưng đến 29/3/2018 thì ngưng không trả tiền lãi và không thanh toán vốn vay khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ của người vay tài sản. Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, Điều 91, 95 luật tổ chức tín dụng. Nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Trần Văn M có trách nhiệm trả vốn, lãi cho Ngân hàng TMCP BDLV; Ông M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với bị đơn ký kết ngày 30/6/2016, thời hạn vay 60 tháng, ngày giải ngân 30/6/2016, ngày đến hạn 30/6/2021. Do ông M vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 31/12/2019, Ngân hàng khởi kiện là còn thời hiệu tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

[2] Thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với bị đơn là ông Trần Văn M có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tổ 02, khóm LT D, phường LT, thị xã TC, tỉnh AG nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TC theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

[3] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Trần Văn M được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về tư cách tố tụng:

Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 03/300616/04/910 ngày 30/6/2016, việc ký kết hợp đồng được thực hiện giữa Ngân hàng TMCP BDLV với ông Trần Văn M. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông M vi phạm nghĩa vụ Hợp đồng tín dụng. Ngân hàng khởi kiện ông M thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng. Do đó, Ngân hàng tham gia với tư cách là nguyên đơn; Ông M tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn là phù hợp theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[5] Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 03/300616/04/910 ngày 30/6/2016, được ký kết giữa Ngân hàng và ông M: Những người tham gia ký kết đều có năng lực hành vi dân sự, các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã

hội; Hợp đồng được lập thành văn bản đúng theo quy định tại các Điều 117, 118, 119, 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

[6] Về vốn vay: Căn cứ Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 03/300616/04/910 ngày 30/6/2016 và biên bản xác minh tại Điện Lực TC, tỉnh AG ngày 19/3/2020 (BL 61- 62).

Thấy rằng, giữa Ngân hàng và ông M có giao kết hợp đồng tín dụng để ông M vay số tiền 150.000.000 đồng của Ngân hàng theo hình thức tín chấp và trả dần vốn gốc và lãi hàng tháng. Quá trình vay, ông M đã thanh toán vốn vay với số tiền 52.500.000 đồng. Đến kỳ trả vốn vay vào tháng 4 năm 2018 thì ông M ngưng trả vốn vay theo thỏa thuận nên đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông M có trách nhiệm trả vốn vay 97.500.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 280, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 và khoản 1 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC. Xét, chấp nhận.

[7] Về tiền lãi: Theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 03/300616/04/910 ngày 30/6/2016, ông M và Ngân hàng đã thỏa thuận về mức lãi suất, cách tính lãi, ngày thanh toán tiền lãi và trường hợp chuyển nợ quá hạn. Cụ thể: lãi suất 11,5%/năm (0,958%/tháng), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (17,25%/năm; 1,4375%/tháng). Theo quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*. Việc thỏa thuận mức lãi suất, cách tính lãi suất nêu trên do Ngân hàng và ông M tự thỏa thuận đã được thực hiện đúng quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và sự thỏa thuận giữa các đương sự phù hợp theo quy định tại Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu ông M phải thanh toán toàn bộ số nợ lãi 31.951.571 đồng (lãi trong hạn là 17.597.972 đồng, lãi quá hạn 14.353.599 đồng) tính từ ngày 30/3/2018 đến ngày 31/7/2020 và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng từ ngày 01/8/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ vay (có bảng kê chi tiết tính lãi của Ngân hàng đối với khoản nợ của ông M). Xét, chấp nhận.

[8] Buộc ông Trần Văn M phải có trách nhiệm trả vốn gốc và tiền lãi cho Ngân hàng, cụ thể:

- Tiền lãi: 31.951.571 đồng (ba mươi một triệu chín trăm năm mươi một nghìn năm trăm bảy mươi một) đồng (tính từ ngày 30/3/2018 đến ngày 31/7/2020);

- Vốn gốc: 97.500.000 (chín mươi bảy triệu năm trăm nghìn) đồng.

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi

suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay”.

[9] Về án phí, bị đơn có trách nhiệm trả vốn và lãi tổng cộng 129.451.571 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.472.000 (sáu triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn) đồng.

Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

[10] Quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 117, 118, 119, 280, 463, 465, 466, 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần BDLV về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản” đối với ông Trần Văn M;

Buộc ông Trần Văn M có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần BDLV:

- Tiền lãi: 31.951.571 đồng (ba mươi một triệu chín trăm năm mươi một nghìn năm trăm bảy mươi một) đồng (tính từ ngày 30/3/2018 đến ngày 31/7/2020);

- Vốn gốc: 97.500.000 (chín mươi bảy triệu năm trăm nghìn) đồng.

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết

định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay”.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn M phải chịu 6.472.000 (*sáu triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn*) đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần BDLV không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại cho Ngân hàng 2.810.000 (*hai triệu tám trăm mười nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số TU/2017/0002287 ngày 09 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TC, tỉnh AG.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng (anh A) có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh AG xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông M vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TX. TC (2);
- TAND tỉnh AG (1);
- Hội thẩm nhân dân (2);
- CC.THADS TX. TC (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương